TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày:27/9/2017
(V/v Tranh chấp ly hôn & nuôi con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh
Bà Nguyễn Thị Quy.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đào Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nhuần - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, Toà án nhân dân huyện Kim Thành mở phiên toà công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 119/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

2/. Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1984.

Đều trú tại: Số 4, ngõ 161 Phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Chị T có mặt; anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa; nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào ngày 17/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng gia đình chồng tại nhà số 4, ngõ 161 Phố G, thị trấn P, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh M liên tục đánh đập chị. Qua tìm hiểu thì chị biết anh M dùng ma túy đá nên không kiểm soát được hành vi của mình. Năm 2016, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị

đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Thành giải quyết ly hôn, nhưng sau đó do anh M hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Sau đó chị đã cùng gia đình, người thân khuyên bảo, động viên nhưng anh M không thay đổi mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Do đó từ thời gian này thì vợ chồng chị tuy sống cùng nhà nhưng đã ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau và không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn M.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Mai P, sinh ngày 13/10/2012 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 25/6/2015. Sau khi ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty may N tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng hơn 6.000.000đ nên chị đảm bảo điều kiện nuôi con chung. Còn anh M thì do làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà, mặt khác anh M là người sử dụng ma túy nên không thể đủ điều kiện để nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Đối với bị đơn là anh Trần Văn M:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh M đến Toà án để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tham gia các phiên hoà giải, phiên họp nh□ng anh M đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, trầm trọng. Cho dù nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện để giải quyết cho chị ly hôn với anh M thì vợ chồng chị cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau; nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M. Chị đề nghị Tòa án xem xét giao cả 02 con chung cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc để đảm bảo về mọi mặt cho các cháu.

- Bị đơn là anh Trần Văn M vắng mặt lần thứ 2 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành và không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ; có căn cứ xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị T và anh M phát sinh mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc nên áp dụng Điều 38 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T đ□ợc ly hôn với anh M.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Mai P, sinh ngày 13/10/2012 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 25/6/2015. Quá trình xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ anh M đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện quan điểm về vấn đề con chung cũng như cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cả hai con chung là cháu Trần Mai P và Trần Gia H cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ tháng 9/2017 cho đến con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung vợ chồng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Trần Văn M có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn là anh Trần Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 1 vào ngày 11/9/2017, tại phiên tòa này anh M vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và thực hiện giao Quyết định hoãn phiên tòa cùng Giấy triệu tập anh M đến phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, tuy nhiên anh M tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh M.

[3]. Quan hệ về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Trần Văn M trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù nhiều lần được Tòa án triệu tập

nhưng anh M không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tuy nhiên trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, xúc phạm nhau. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được; năm 2016 chị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó đã rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội cho anh M thay đổi, vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị T đã tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần triệu tập các đương sự để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định pháp luật của anh M mà còn không thể hiện sự tôn trọng, không có nguyện vọng đoàn tụ với chị T. Trong suốt thời gian giải quyết vụ án, vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ tình cảm nhưng anh M cũng không có những biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh M. Do vậy có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đỡnh cũng như phự hợp với tình trạng hôn nhân thực tế giữa hai vợ chồng.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Mai P, sinh ngày 13/10/2012 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 25/6/2015. Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Trần Gia H còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và chị T cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mặt khác, trong vụ án này bị đơn là anh M không đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cũng như nguyện vọng về vấn đề nuôi dưỡng con chung; không cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ để chứng minh những điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Mai P và Trần Gia H kể từ tháng 9/2017 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 58; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và

gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Nếu sau này anh M có nguyện vọng nuôi con chung và cung cấp được những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình thì sẽ được quyền khởi kiện và Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung vợ chồng: Đương sự không có yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điều 38 của Bộ luật dân sự. khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Quan hệ về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn M.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Trần Mai P, sinh ngày 13/10/2012 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 25/6/2015 kể từ tháng 9/2017 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Trần Văn M phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung vợ chồng: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0000541 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Đã báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Kim Thành;*
- *UBND TT P, huyện K;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa